

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	14 - 36
8. Phụ lục 01	37
9. Phụ lục 02	38 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **126.358.400.000 VND**

Số cổ phần: 12.635.840 CP

Mệnh giá: 10.000 VND/CP

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỉ lệ (%)
A/ Cổ đông sáng lập	1.618.702	16.187.020.000	12,81
1. Lương Hoàng Mạnh	769.885	7.698.850.000	6,09
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	304.290	3.042.900.000	2,41
3. Nguyễn Thị Chính	297.850	2.978.500.000	2,36
4. Trần Thị Bé Năm	212.060	2.120.600.000	1,68
5. Ngô Thị Thó	34.617	346.170.000	0,27
B/ Cổ đông khác	11.017.138	110.171.380.000	87,19
Cộng	12.635.840	126.358.400.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 24 tháng 9 năm 2009 với mã chứng khoán là AAM.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 24-Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại : (0710) 3.841.294

Fax : (0710) 3.841.192

E-mail : mkf@hcm.vnn.vn

Website : www.mekongfish.vn

Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn gạo; bán buôn thủy sản; bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ nuôi trồng và chế biến thủy sản; bán buôn sắt, thép; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn phân bón; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; nhập khẩu nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; nhập khẩu hóa chất, phụ gia, thiết bị, bao bì phục vụ và chế biến thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.AAM.2012, ngày 09 tháng 3 năm 2013, lợi nhuận năm 2012 và lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2011 được phân phối như sau:

	Số tiền (VND)
Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2012	1.375.239.274
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012	462.000.000
Chia cổ tức đợt I năm 2012 bằng tiền mặt (10% vốn điều lệ)	8.639.864.000
Chia cổ tức đợt II năm 2012 bằng tiền mặt (5% vốn điều lệ)	4.319.932.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (15% vốn điều lệ)	12.959.790.000
Cộng	27.756.825.274

- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT.AAM.2013, ngày 04 tháng 10 năm 2013, Hội đồng quản trị đã thống nhất niêm yết bổ sung 1.295.976 cổ phiếu với tổng giá trị tương ứng là 12.959.760.000 VND.
- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT.AAM.2013, ngày 23 tháng 12 năm 2013, Hội đồng quản trị đã thống nhất quyết định mua 647.781 cổ phần của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Motilen Cần Thơ, với tổng giá trị là 10.688.386.500 VND, chiếm 44,98% vốn điều lệ của đơn vị.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mãnh	Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
5. Lương Hoàng Duy	Ủy viên	19 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Dương Thị Lệ Thúy	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2010	-
2. Nguyễn Kim Phụng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-
3. Nguyễn Văn Hằng	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mãnh	Giám đốc	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
3. Nguyễn Châu Hoàng Quyên	Phó Giám đốc	09 tháng 4 năm 2012	-
4. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	07 tháng 7 năm 2008	-

N:030044
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM TOÁN V
A &
ĐINH-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Lương Hoàng Mạnh
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 02 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0041/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thủy sản Mekong, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2014, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		235.018.658.799	224.235.786.436
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	54.686.997.644	42.872.361.640
1. Tiền		111		27.686.997.644	3.072.361.640
2. Các khoản tương đương tiền		112		27.000.000.000	39.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		7.113.876.800	1.537.448.400
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	9.135.226.000	4.135.226.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(2.021.349.200)	(2.597.777.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		64.945.718.533	50.223.922.166
1. Phải thu khách hàng		131	V.4	45.852.522.554	38.995.074.698
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	10.534.128	895.689.135
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.6	19.082.661.851	10.333.158.333
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		93.331.610.053	113.108.466.082
1. Hàng tồn kho		141	V.7	93.331.610.053	113.108.466.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		14.940.455.769	16.493.588.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		2.414.134.996	1.712.518.582
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.8	12.918.773	41.305.332
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	12.513.402.000	14.739.764.234

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		67.052.848.245	61.524.890.239
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		52.262.083.290	57.190.533.752
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	26.176.977.948	29.444.546.420
<i>Nguyên giá</i>		222		78.759.430.155	74.912.271.790
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(52.582.452.207)	(45.467.725.370)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	25.061.101.749	23.908.583.208
<i>Nguyên giá</i>		228		27.837.973.495	26.067.111.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(2.776.871.746)	(2.158.528.592)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.12	1.024.003.593	3.837.404.124
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		10.710.983.526	160.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.13	10.688.386.500	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.14	2.500.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.15	(2.477.402.974)	(2.340.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác		260		4.079.781.429	4.174.356.487
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.16	2.627.559.840	3.698.277.312
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.17	1.452.221.589	476.079.175
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		302.071.507.044	285.760.676.675

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		43.782.193.622	30.439.968.390
I. Nợ ngắn hạn		310		40.688.908.551	27.342.938.781
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.18	14.293.370.000	-
2. Phải trả người bán		312	V.19	4.676.918.368	12.256.889.333
3. Người mua trả tiền trước		313	V.20	2.911.804.309	1.701.968.357
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.21	2.381.258.182	2.399.031.235
5. Phải trả người lao động		315	V.22	7.006.504.066	348.062.530
6. Chi phí phải trả		316	V.23	5.822.782.685	1.904.316.698
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.24	919.153.043	820.697.380
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.25	2.677.117.898	7.911.973.248
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3.093.285.071	3.097.029.609
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.26	3.035.000.000	3.035.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.27	58.285.071	62.029.609
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		258.289.313.422	255.320.708.285
I. Vốn chủ sở hữu		410		258.289.313.422	255.320.708.285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.28	126.358.400.000	113.398.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.28	152.960.686.000	152.960.690.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.28	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.28	(62.529.155.207)	(62.527.765.207)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.28	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.28	11.472.883.445	11.472.883.445
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.28	22.900.891.743	32.890.652.606
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		302.071.507.044	285.760.676.675

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			1.208.761,72	68.915,36
Euro (EUR)			243,63	353,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	537.068.098.296	486.776.790.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.581.178.129	1.209.665.043
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	533.486.920.167	485.567.125.446
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	471.142.801.812	432.823.220.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.344.118.355	52.743.905.092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.991.238.807	7.702.621.038
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	411.451.490	3.235.526.940
Trong đó: chi phí lãi vay	23		369.259.336	339.324.616
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41.050.547.512	33.734.661.858
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.898.438.531	9.977.088.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.974.919.629	13.499.248.844
11. Thu nhập khác	31	VI.7	397.237.146	16.192.349.899
12. Chi phí khác	32	VI.8	441.883.897	11.867.846.127
13. Lợi nhuận khác	40		(44.646.751)	4.324.503.772
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.930.272.878	17.823.752.616
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	3.722.807.487	3.368.356.678
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(979.886.952)	454.884.756
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.187.352.343	14.000.511.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	824	1.365


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.930.272.878	17.823.752.616
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	8.241.115.513	8.076.944.331
- Các khoản dự phòng	03		(439.025.426)	1.996.827.274
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(233.140.283)	(248.118.435)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.766.431.473)	(10.099.507.379)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	369.259.336	339.324.616
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.102.050.545	17.889.223.023
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.241.879.243)	47.039.708.014
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.776.856.029	(25.935.088.567)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.378.624.106	2.133.230.806
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.331.135.159	(1.858.277.312)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(355.363.005)	(368.263.783)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(3.728.072.304)	(10.411.450.524)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		70.500.000	3.100.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.218.855.592)	(7.741.584.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.114.995.695	23.847.497.218
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.657.007.702)	(4.084.217.935)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	15.423.504.864
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(10.688.386.500)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.825.523.139	6.527.833.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.519.871.063)	17.867.119.943

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(1.390.000)	(13.419.971.808)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	48.113.684.421	32.931.250.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(33.820.314.421)	(37.551.250.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(4.319.732.500)	(30.574.256.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.972.247.500	(48.614.227.808)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.567.372.132	(6.899.610.647)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.872.361.640	49.648.277.426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		247.263.872	123.694.861
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.686.997.644	42.872.361.640

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 674 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 741 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	0%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.816 VND/USD
: 27.261 VND/EUR
31/12/2013: 21.083 VND/USD
28.890 VND/EUR

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.963.229	5.526.414
Tiền gửi ngân hàng	27.684.034.415	3.066.835.226
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	39.800.000.000
Cộng	54.686.997.644	42.872.361.640

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		4.135.226.000		4.135.226.000
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh	18	306.000	18	306.000
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long	213.492	4.134.920.000	213.492	4.134.920.000
Đầu tư ngắn hạn khác		5.000.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm		5.000.000.000		-
Cộng		9.135.226.000		4.135.226.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.597.777.600	598.950.326
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.597.777.600
Hoàn nhập dự phòng	(576.428.400)	(598.950.326)
Số cuối năm	2.021.349.200	2.597.777.600

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	980.115.975	2.235.525.360
Khách hàng nước ngoài	44.872.406.579	36.759.549.338
Cộng	45.852.522.554	38.995.074.698

5. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các Đại lý cá	18.915.000.000	10.167.500.000
Lãi tiền gửi phải thu	104.666.667	163.758.333
Bảo hiểm xã hội	48.627.684	-
Phải thu khác	14.367.500	1.900.000
Cộng	19.082.661.851	10.333.158.333

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.651.775.217	1.226.073.516
Công cụ, dụng cụ	704.805.147	606.342.967
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.480.710.933	52.540.980.693
Thành phẩm	42.494.318.756	58.735.068.906
Cộng	93.331.610.053	113.108.466.082

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.382.129	-
Thuế xuất nhập khẩu	9.536.644	41.305.332
Cộng	12.918.773	41.305.332

9. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.913.601.885	54.680.007.290	4.797.469.454	521.193.161	74.912.271.790
Tăng trong năm	4.478.546.538	221.000.000	-	-	4.699.546.538
Mua sắm mới	1.633.760.571	221.000.000	-	-	1.854.760.571
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.844.785.967	-	-	-	2.844.785.967
Giảm trong năm	(73.645.600)	(595.251.495)	-	(183.491.078)	(852.388.173)
Do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản	(73.645.600)	(595.251.495)	-	(183.491.078)	(852.388.173)
Số cuối năm	19.318.502.823	54.305.755.795	4.797.469.454	337.702.083	78.759.430.155
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.230.993.675	17.388.339.462	-	79.368.133	23.698.701.270
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.161.253.883	33.943.051.202	1.016.751.107	346.669.178	45.467.725.370
Khấu hao trong năm	1.340.607.326	5.831.006.748	479.746.932	55.336.317	7.706.697.323
Giảm trong năm	(65.094.290)	(390.756.205)	-	(136.119.991)	(591.970.486)
Do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản	(65.094.290)	(390.756.205)	-	(136.119.991)	(591.970.486)
Số cuối năm	11.436.766.919	39.383.301.745	1.496.498.039	265.885.504	52.582.452.207

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.752.348.002	20.736.956.088	3.780.718.347	174.523.983	29.444.546.420
Số cuối năm	7.881.735.904	14.922.454.050	3.300.971.415	71.816.579	26.176.977.948
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá

Số đầu năm	26.067.111.800
Mua trong năm	1.770.861.695
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	27.837.973.495

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.158.528.592
Khấu hao trong năm	618.343.154
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	2.776.871.746

Giá trị còn lại

Số đầu năm	23.908.583.208
Số cuối năm	25.061.101.749

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	3.837.404.124	63.683.108	(2.844.785.967)	(32.297.672)	1.024.003.593
- Công trình bờ kè	2.813.400.531	-	(2.813.400.531)	-	-
- Công trình phân xưởng mới	1.024.003.593	-	-	-	1.024.003.593
- Công trình cốn Tích Thiện	-	32.297.672	-	(32.297.672)	-
- Các công trình khác	-	31.385.436	(31.385.436)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	3.837.404.124	63.683.108	(2.844.785.967)	(32.297.672)	1.024.003.593

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Motilen Cần Thơ	647.781	10.688.386.500	-	-
Cộng		10.688.386.500		-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800159418 thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty cổ phần thủy sản Mekong đã đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Motilen Cần Thơ là 647.781 cổ phần, chiếm 44,98% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000		2.500.000.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
Cộng		2.500.000.000		2.500.000.000

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.340.000.000	2.340.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	137.402.974	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	2.477.402.974	2.340.000.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
			trong năm	
Chi phí hợp tác đầu tư nuôi cá	2.139.897.693	-	(308.746.812)	1.831.150.881
Chi phí xăng dầu đào ao	686.240.431	-	(240.000.000)	446.240.431
Chi phí vật tư đào ao	872.139.188	-	(521.970.660)	350.168.528
Cộng	3.698.277.312	-	(1.070.717.472)	2.627.559.840

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	476.079.175	868.934.322
Phát sinh trong năm	1.452.221.589	439.976.695
Hoàn nhập trong năm	(476.079.175)	(832.831.842)
Số cuối năm	1.452.221.589	476.079.175

18. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn phục vụ vùng nuôi, chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	48.113.684.421
Kết chuyển từ vay dài hạn	-
Số tiền vay đã trả	(33.820.314.421)
Số cuối năm	14.293.370.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	23.047.957	163.047.957
Khách hàng nước ngoài	2.888.756.352	1.538.920.400
Cộng	2.911.804.309	1.701.968.357

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	-	(3.382.129)	(3.382.129)
Thuế xuất nhập khẩu (*)	(41.305.332)	34.989.738	(3.221.050)	(9.536.644)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.375.224.794	3.722.807.487	(3.728.072.304)	2.369.959.977
Thuế thu nhập cá nhân	22.525.291	425.044.121	(438.035.207)	9.534.205
Thuế tài nguyên	1.281.150	17.115.150	(16.632.300)	1.764.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	79.275.000	(79.275.000)	-
Các khoản thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	2.357.725.903	4.283.231.496	(4.272.617.990)	2.368.339.409

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu:	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá:	5%
<i>Riêng phụ phẩm từ cá nguyên liệu tự nuôi, sản xuất thành phẩm dùng để xuất khẩu</i>	<i>Không chịu thuế</i>
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.930.272.878	17.823.752.616
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.138.414.050	1.982.444.396
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.177.456.981)	(4.141.882.466)
Thu nhập chịu thuế	14.891.229.947	15.664.314.546
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	14.891.229.947	15.664.314.546
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.722.807.487	3.916.078.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(547.721.959)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.722.807.487	3.368.356.678
Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp năm trước	-	6.435.079.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.722.807.487	9.803.436.191

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần thơ theo hợp đồng thuê lại đất số 83HĐ/TLĐ.KCN, ngày 10/7/2006:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 41 năm từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2046
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm.
- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,2 USD/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	7.006.504.066	348.062.530
Cộng	7.006.504.066	348.062.530

Tiền lương tháng 13 còn phải trả cho nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xuất hàng	5.503.245.005	1.748.648.203
Chi phí đồng phục	-	75.000.000
Chi phí dụng cụ phân xưởng	-	56.345.000
Cước vận chuyển	72.381.636	-
Tiền công thuê ngoài	-	1.745.000
Chi phí lãi vay	13.896.331	-
Chi phí khác	233.259.713	22.578.495
Cộng	5.822.782.685	1.904.316.698

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	917.671.943	644.666.040
Bảo hiểm xã hội	-	70.331.740
Cổ tức còn phải trả	1.481.100	1.281.600
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Phải trả khác	-	4.418.000
Cộng	919.153.043	820.697.380

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.599.609.777	556.794.844	1.900.000.000	(5.339.272.192)	-	717.132.427
Quỹ phúc lợi	3.137.414.058	238.626.362	20.500.000	(627.579.400)	(1.900.000.000)	868.961.020
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.174.949.413	-	-	-	(83.924.964)	1.091.024.449
Cộng	7.911.973.248	795.421.206	1.920.500.000	(5.966.851.592)	(1.983.924.964)	2.677.117.899

26. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	62.029.609	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	58.285.071	62.029.609
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(62.029.609)	-
Số cuối năm	58.285.071	62.029.609

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	4.319.732.500	21.935.673.600
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	8.638.582.400
Cộng	4.319.732.500	30.574.256.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.635.840	11.339.864
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.635.840	11.339.864
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.635.840	11.339.864
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	2.700.139	2.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.139	2.700.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.935.701	8.639.864
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.935.701	8.639.864
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	537.068.098.296	486.776.790.489
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	536.916.355.115	486.162.678.923
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	151.743.181	614.111.566
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.581.178.129)	(1.209.665.043)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(686.510.929)	(1.209.665.043)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.894.667.200)	-
Doanh thu thuần	533.486.920.167	485.567.125.446
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	533.335.176.986	484.953.013.880
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	151.743.181	614.111.566

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	204.269.126.950	285.749.219.900
Chi phí nhân công trực tiếp	28.369.925.544	23.377.652.183
Chi phí sản xuất chung	218.202.729.408	152.178.754.998
Tổng chi phí sản xuất trong năm	450.841.781.902	461.305.627.081
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm	52.540.980.693	12.290.558.081
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối năm	(48.480.710.933)	(52.540.980.693)
Giá thành sản xuất trong năm	454.902.051.662	421.055.204.469
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu năm	58.735.068.906	70.503.084.791
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối năm	(42.494.318.756)	(58.735.068.906)
Cộng	471.142.801.812	432.823.220.354

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	818.781.973	4.983.247.965
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.235.471	175.292.537
Lãi cho vay	907.649.500	1.121.344.417
Lãi đầu tư chứng khoán	-	77.968.881
Lãi bán ngoại tệ	415.882	206.050.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	418.026.743
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	950.015.698	472.572.060
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	233.140.283	248.118.435
Cộng	2.991.238.807	7.702.621.038

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	369.259.336	339.324.616
Thủ tục phí bán chứng khoán	-	6.089.586
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	601.920.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	481.217.580	289.365.194
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(439.025.426)	1.998.827.274
Cộng	411.451.490	3.235.526.940

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.050.547.512	33.734.661.858
Cộng	41.050.547.512	33.734.661.858

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.535.864.989	4.479.812.298
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.121.649	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	318.019.605	335.937.614
Thuế, phí lệ phí	442.868.044	860.252.193
Chi phí dự phòng	-	(2.000.000)
Chi phí khác	4.569.564.244	4.303.086.383
Cộng	12.898.438.531	9.977.088.488

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	15.423.504.864
Thu hỗ trợ	2.877.235	-
Thu bán phế liệu	389.941.911	547.979.664
Hoàn nhập quỹ trợ cấp mất việc làm	-	155.197.799
Thu từ xử lý công nợ	4.418.000	65.667.572
Cộng	397.237.146	16.192.349.899

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	-	11.846.616.610
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	10.181.819
Thuế GTGT không được khấu trừ	427.554.636	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	14.329.261	1.164.018
Tiền thuế tài nguyên các năm trước	-	9.883.680
Cộng	441.883.897	11.867.846.127

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	62.029.609
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	392.855.147
Thu nhập Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(976.142.414)	-
Thu nhập Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.744.538)	-
Cộng	(979.886.952)	454.884.756

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.187.352.343	14.000.511.182
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.187.352.343	14.000.511.182
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	9.935.807	10.257.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	824	1.365

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.639.864	9.139.864
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(33)	(177.910)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	1.295.976	1.295.976
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.935.807	10.257.930

Trong năm 2013 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.562 VND xuống còn 1.365 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	387.699.567.614	406.179.321.501
Chi phí nhân công	40.026.645.219	31.563.989.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.241.115.513	8.076.944.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.877.004.153	34.950.510.072
Chi phí khác	27.757.578.679	26.612.082.879
Cộng	505.601.911.178	507.382.848.420

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.135.214.308	1.374.657.691
Thưởng	289.128.107	425.706.758
Phụ cấp	348.000.000	432.000.000
Cộng	1.772.342.415	2.232.364.449

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ cho thuê.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

4. Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	51.320.444	51.320.444
Trên 01 năm đến 05 năm	205.281.776	205.281.776
Trên 05 năm	1.488.292.876	1.539.613.320
Cộng	1.744.895.096	1.796.215.540

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 41 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ công bố.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.686.997.644	-	-	-	54.686.997.644
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	45.852.522.554	-	-	-	45.852.522.554
Các khoản phải thu khác	19.034.034.167	-	-	-	19.034.034.167
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	306.000	-	-	17.323.306.500	17.323.612.500
Cộng	124.573.860.365	-	-	17.323.306.500	141.897.166.865
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.872.361.640	-	-	-	42.872.361.640
Phải thu khách hàng	38.995.074.698	-	-	-	38.995.074.698
Các khoản phải thu khác	10.333.158.333	-	-	-	10.333.158.333
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	306.000	-	-	6.634.920.000	6.635.226.000
Cộng	92.200.900.671	-	-	6.634.920.000	98.835.820.671

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi vay phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	14.903.087.210	-	-	14.903.087.210
Phải trả người bán	4.676.918.368	-	-	4.676.918.368
Các khoản phải trả khác	5.824.263.785	3.035.000.000	-	8.859.263.785
Cộng	25.404.269.363	3.035.000.000	-	28.439.269.363

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	12.256.889.333	-	-	12.256.889.333
Các khoản phải trả khác	2.008.734.698	3.035.000.000	-	5.043.734.698
Cộng	14.265.624.031	3.035.000.000	-	17.300.624.031

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 01 tháng 01 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.761,72	243,63	68.915,36	353,00
Phải thu khách hàng	2.128.369,14	-	1.765.927,62	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	3.337.130,86	243,63	1.834.842,98	353,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 1.055.350.949 VND (năm trước tăng/giảm 572.911.372 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty tăng/giảm khoảng 961.841.575 VND (năm trước tăng/giảm khoảng 127.308.630 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không thể chấp tài sản tài chính nào cho đơn vị khác cũng như không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.686.997.644	-	42.872.361.640	-	54.686.997.644	42.872.361.640
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	45.852.522.554	-	38.995.074.698	-	45.852.522.554	38.995.074.698
Các khoản phải thu khác	19.034.034.167	-	10.333.158.333	-	19.034.034.167	10.333.158.333
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.323.612.500	(4.498.752.174)	6.635.226.000	(4.937.777.600)	12.824.860.326	1.697.448.400
Cộng	141.897.166.865	(4.498.752.174)	98.835.820.671	(4.937.777.600)	137.398.414.691	93.898.043.071

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	14.293.370.000	-	14.293.370.000	-
Phải trả người bán	4.676.918.368	12.256.889.333	4.676.918.368	12.256.889.333
Các khoản phải trả khác	8.859.263.785	5.043.734.698	8.859.263.785	5.043.734.698
Cộng	27.829.552.153	17.300.624.031	27.829.552.153	17.300.624.031

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(49.107.793.399)	5.837.847.302	11.472.883.445	51.302.918.298	287.152.945.785
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	14.000.511.182	14.000.511.182
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(30.575.537.600)	(30.575.537.600)
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.375.239.274)	(1.375.239.274)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(13.419.971.808)	-	-	-	(13.419.971.808)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(462.000.000)	(462.000.000)
Số dư cuối năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(62.527.765.207)	5.837.847.302	11.472.883.445	32.890.652.606	255.320.708.285
Số dư đầu năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(62.527.765.207)	5.837.847.302	11.472.883.445	32.890.652.606	255.320.708.285
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	8.187.352.343	8.187.352.343
Tăng vốn từ lợi nhuận	12.959.760.000	-	-	-	-	-	(12.959.760.000)	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(795.421.206)	(795.421.206)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(4.319.932.000)	(4.319.932.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(4.000)	-	(1.390.000)	-	-	-	(1.394.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
Số dư cuối năm	126.358.400.000	152.960.686.000	1.287.760.139	(62.529.155.207)	5.837.847.302	11.472.883.445	22.900.891.743	258.289.313.422

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	533.335.176.986	151.743.181	-	533.486.920.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	533.335.176.986	151.743.181	-	533.486.920.167
Chi phí bộ phận	525.091.787.855	-	-	525.091.787.855
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.243.389.131	151.743.181	-	8.395.132.312
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.395.132.312
Doanh thu hoạt động tài chính				2.991.238.807
Chi phí tài chính				(411.451.490)
Thu nhập khác				397.237.146
Chi phí khác				(441.883.897)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-		-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.722.807.487)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				979.886.952
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.187.352.343
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.689.305.374	-	-	3.689.305.374
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.311.832.985	-	-	9.311.832.985
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	484.953.013.880	614.111.566	-	485.567.125.446
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	484.953.013.880	614.111.566	-	485.567.125.446
Chi phí bộ phận	476.534.970.700	-	-	476.534.970.700
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.418.043.180	614.111.566	-	9.032.154.746
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.032.154.746
Doanh thu hoạt động tài chính				7.702.621.038
Chi phí tài chính				(3.235.526.940)
Thu nhập khác				16.192.349.899
Chi phí khác				(11.867.846.127)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.368.356.678)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(454.884.756)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				14.000.511.182
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.784.365.085	-	-	8.784.365.085
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.668.848.817	-	-	8.668.848.817
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm

	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	284.246.646.718	-	-	284.246.646.718
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				17.824.860.326
Tổng tài sản				302.071.507.044

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	43.782.193.622	-	-	43.782.193.622
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				43.782.193.622

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	284.063.228.275	-	-	284.063.228.275
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.697.448.400
Tổng tài sản				285.760.676.675

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	30.439.968.390	-	-	30.439.968.390
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				30.439.968.390



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc